

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chung đô thị  
Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đến năm 2035 phê duyệt tại Quyết định số  
1750/QĐ-UBND ngày 12/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ;*

*Căn cứ Quyết định số 1750/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đến năm 2035, tỷ lệ 1/10.000;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1319/TTr-SXD ngày 7 tháng 6 năm 2023 về trình điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chung đô thị Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đến năm 2035 phê duyệt tại Quyết định số 1750/QĐ-UBND ngày 12/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh (điều chỉnh cục bộ lần thứ nhất).*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chung đô thị Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đến năm 2035 phê duyệt tại Quyết định số 1750/QĐ-UBND ngày 12/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh (điều chỉnh cục bộ lần thứ nhất) nội dung sau:

1. Điều chỉnh khoản 6 Điều 1 Quyết định số 1750/QĐ-UBND ngày 12/7/2018 của UBND tỉnh đối với hạng mục đất khu dân cư (tăng +10,7 ha) và hạng mục đất nông nghiệp - đất khác (giảm -10,7 ha) của bảng cơ cấu sử dụng đất.

2. Các nội dung khác của đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đến năm 2035, tỷ lệ 1/10.000 phê duyệt tại Quyết định số 1750/QĐ-UBND ngày 12/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh giữ nguyên không thay đổi.

**Điều 2.** Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một phần của Quyết định số 1750/QĐ-UBND ngày 12/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đồ án quy

hoạch chung xây dựng đô thị Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đến năm 2035, tỷ lệ 1/10.000.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

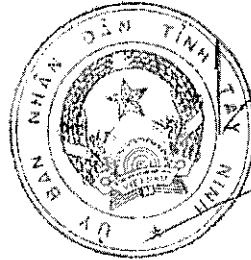
1. Giao Ủy ban nhân dân thị xã Trảng Bàng cập nhật và thể hiện nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch phê duyệt tại Quyết định này vào hồ sơ, bản vẽ đồ án quy hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 1750/QĐ-UBND ngày 12/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đến năm 2035, tỷ lệ 1/10.000; thực hiện công bố công khai nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch phê duyệt tại Quyết định này theo đúng quy định.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Trảng Bàng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: *[Signature]*

- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, P. KT;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*[Signature]*  
Dương Văn Thắng

Điều chỉnh cục bộ QHC Khu TĐC Tại Xã Hưng Thuận

Hiện trạng

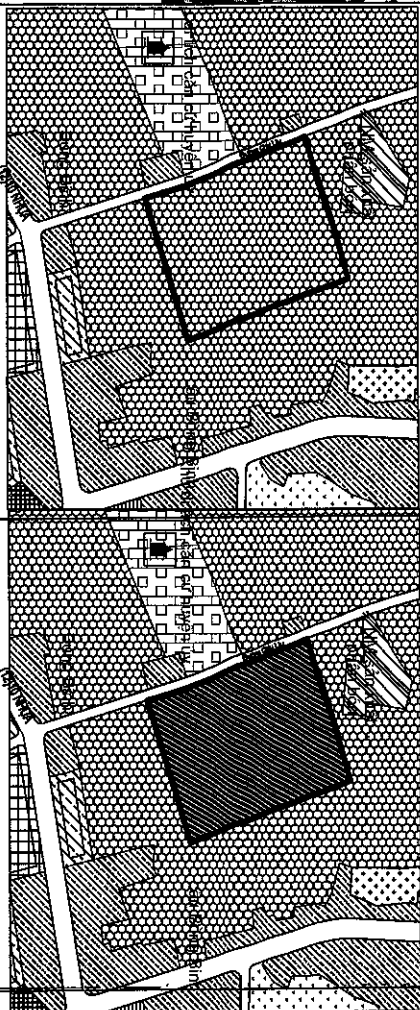
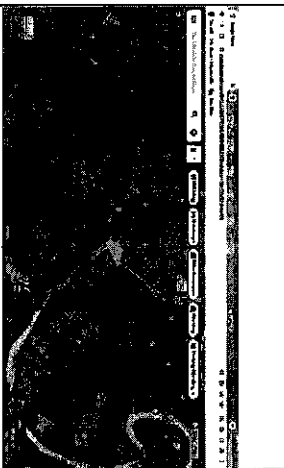
QHC được duyệt năm 2018

Đề xuất điều chỉnh cục bộ

Quy mô: 10,7ha

- Đất trồng cây lâu năm

- Đất ở



Thị xã đề xuất

Cơ cấu sử dụng đất:

TT	Tên mục	Trước điều chỉnh		Sau điều chỉnh		Tăng/ Giảm ha
		Ha	%	Ha	%	
A	Tổng diện tích đất tự nhiên toàn khu vực nghiên cứu	34.014,90	100	34.014,90	100	
1	Đất xây dựng nhà ở dân dụng	15.457,40	45,44	13.457,40	45,44	
1.1	Đất xây dựng nhà ở dân dụng	3.573,20	10,50	3.573,20	10,50	
1.2	Đất xây dựng nhà ở dân dụng	1.373,70	4,04	1.373,70	4,04	
1.3	Đất xây dựng nhà ở dân dụng	1.140,0	3,35	1.140,0	3,35	
1.4	Đất xây dựng nhà ở dân dụng	1.339,0	3,94	1.339,0	3,94	
1.5	Đất xây dựng nhà ở dân dụng	667,50	1,96	667,50	1,96	
1.6	Đất xây dựng nhà ở dân dụng	2.166,0	6,37	2.166,0	6,37	
1.7	Đất xây dựng nhà ở dân dụng	56,80	0,17	56,80	0,17	
1.8	Đất xây dựng nhà ở dân dụng	85,60	0,25	85,60	0,25	
1.9	Đất xây dựng nhà ở dân dụng	279,30	0,82	279,30	0,82	
1.10	Đất xây dựng nhà ở dân dụng	1.398,50	4,11	1.398,50	4,11	
1.11	Đất xây dựng nhà ở dân dụng	1.362,90	3,98	1.362,90	3,98	
1.12	Đất xây dựng nhà ở dân dụng	16,50	0,05	16,50	0,05	
1.13	Đất xây dựng nhà ở dân dụng	77,0	0,23	77,0	0,23	
1.14	Đất xây dựng nhà ở dân dụng	18,90	0,06	18,90	0,06	
1.15	Đất xây dựng nhà ở dân dụng	23,0	0,07	23,0	0,07	
1.16	Đất xây dựng nhà ở dân dụng	31,22	0,09	31,22	0,09	
1.17	Đất xây dựng nhà ở dân dụng	41,9	0,12	41,9	0,12	
1.18	Đất xây dựng nhà ở dân dụng	39,89	0,12	39,89	0,12	
1.19	Đất xây dựng nhà ở dân dụng	1,50	0,00	1,50	0,00	
1.20	Đất xây dựng nhà ở dân dụng	3,70	0,01	3,70	0,01	
1.21	Đất xây dựng nhà ở dân dụng	16,20	0,05	16,20	0,05	
1.22	Đất xây dựng nhà ở dân dụng	24,50	0,07	24,50	0,07	
1.23	Đất xây dựng nhà ở dân dụng	11,60	0,03	11,60	0,03	
1.24	Đất xây dựng nhà ở dân dụng	11.885,40	34,94	11.885,40	34,94	
1.25	Đất xây dựng nhà ở dân dụng	45,70	0,13	45,70	0,13	
1.26	Đất xây dựng nhà ở dân dụng	11.937,70	35,10	11.937,70	35,10	
1.27	Đất xây dựng nhà ở dân dụng	14.857,50	43,68	14.857,50	43,68	
B	Tổng diện tích đất sử dụng	3.115,0	9,16	3.115,0	9,16	
B.1	Đất xây dựng nhà ở dân dụng	690	2,22	690	2,22	
B.2	Đất xây dựng nhà ở dân dụng	31	0,10	31	0,10	
B.3	Đất xây dựng nhà ở dân dụng	34	0,11	34	0,11	
B.4	Đất xây dựng nhà ở dân dụng	1.370,30	4,40	1.370,30	4,40	
B.5	Đất xây dựng nhà ở dân dụng	132	0,43	132	0,43	
B.6	Đất xây dựng nhà ở dân dụng	151,90	0,49	151,90	0,49	
B.7	Đất xây dựng nhà ở dân dụng	20,33	0,07	20,33	0,07	
B.8	Đất xây dựng nhà ở dân dụng	23,50	0,08	23,50	0,08	
B.9	Đất xây dựng nhà ở dân dụng	93,10	0,30	93,10	0,30	
B.10	Đất xây dựng nhà ở dân dụng	15.442,50	48,30	15.442,50	48,30	
B.11	Đất xây dựng nhà ở dân dụng	367,40	1,18	367,40	1,18	
B.12	Đất xây dựng nhà ở dân dụng	13.075,10	42,10	13.075,10	42,10	

Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung:

Chức năng khu đất đề xuất điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đối với dự án Khu tái định cư thị xã Trảng Bàng với diện tích là 10,7 ha, từ đất trồng cây lâu năm chuyển sang chức năng là đất ở.